



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2025 (NGÀY 07/7/2025)**

Phòng thi: 01 (B3-201)

Môn thi:

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	510001	ALFRED	KOREY PAUL	18/09/1987	Nam	Hoa Kỳ		
2	510002	ARKAR	PHYO MIN	05/03/2003	Nam	Myanmar		
3	510003	BOUDDAVONG	ENNY	13/07/2006	Nữ	Lào		
4	510004	BOUNPAKOB	ANOUXAY	25/09/2005	Nam	Lào		
5	510005	BOUPPHAPHANH	SOYKEO	05/03/2007	Nữ	Lào		
6	510006	BOUTTALATH	MAHALATH	02/10/2005	Nam	Lào		
7	510007	BOUTTAYA	PHOMMA	17/04/2000	Nam	Lào		
8	510008	BUALOY	SACKDA	13/04/1998	Nam	Lào		
9	510009	CHAE	YEONJUN	02/07/1973	Nam	Hàn Quốc		
10	510010	CHANLAPHATHEP	MALATHIP	29/09/2006	Nữ	Lào		
11	510011	CHANTHALAPHANH	NITTHIDA	06/07/2007	Nữ	Lào		
12	510012	CHANTHASOUK	SUPHALAK	29/03/2007	Nữ	Lào		
13	510013	CHANTHAVONG	JACK	02/01/1993	Nam	Lào		
14	510014	CHANTHICHACK	LUNDEE	08/05/2000	Nam	Lào		
15	510015	CHANTHONGTHIP	DALA	14/07/1991	Nam	Lào		
16	510016	CHERI NG SZE	HUI	13/02/1995	Nữ	Singapore		
17	510017	CHOMLATHDASE	PALAME	04/05/1985	Nam	Lào		
18	510018	CHOMMANIVONG	XAYLAVANH	29/08/2006	Nam	Lào		
19	510019	CHUNTHAPHON	BUNDID	03/06/1993	Nam	Lào		
20	510020	CRUCHET	THIERRY JOSÉ O.	05/09/1986	Nam	Bỉ		
21	510021	DOUGAN	CONNOR MCPHIE	23/04/1993	Nam	Anh		
22	510022	GUO	JING	10/04/1997	Nữ	Trung Quốc		
23	510023	GUYETT	TYLER HUGH	07/11/1980	Nam	Hoa Kỳ		
24	510024	HAOSAY	SOMNITH	09/09/2001	Nam	Lào		
25	510025	HAUSER	LEON TOBIAS	22/03/1987	Nam	Vương quốc Hà Lan		
26	510026	HEUANGPHACHAN	THIPPHAPHONE	08/07/2007	Nữ	Lào		
27	510027	HOMSOMBATH	BOUNTANG	27/03/1986	Nam	Lào		

Tổng số bài thi:.....

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 7 năm 2025

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỶ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2025 (NGÀY 07/7/2025)

Phòng thi: 02 (B3-202)

Môn thi:

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	510028	HOMTHONGTHIP	XAIXANA	05/07/2006	Nam	Lào		
2	510029	HONGTHONG	LATDAPHONE	11/10/2001	Nữ	Lào		
3	510030	HU	QIAOZHEN	18/11/1991	Nữ	Trung Quốc		
4	510031	HUYNH	HUY HOANG	14/08/1996	Nam	Úc		
5	510032	INTHALANGSY	PANYAPHONE	20/07/2006	Nam	Lào		
6	510033	INTHITHEP	PHETMIXAY	10/07/2006	Nam	Lào		
7	510034	INXYTHONG	SOUKMOUNGKHOUN	08/06/2007	Nữ	Lào		
8	510035	JOUMMALY	SOUKSAWAI	24/04/1992	Nam	Lào		
9	510036	JOUMMANYVONG	KHOUNMEE	12/11/2002	Nam	Lào		
10	510037	KEO OUNHEUAN	SYTHANONGSAI	04/04/1987	Nam	Lào		
11	510038	KEOBOUNPAN	BOUAKHAI	02/09/2006	Nữ	Lào		
12	510039	KEOBOUTTRAVONG	LATDAVANH	15/11/1982	Nữ	Lào		
13	510040	KEOCHAMPA	BOUNLEUTH	28/08/2007	Nam	Lào		
14	510041	KEOINTHAVONG	PHONESOUDA	06/03/2007	Nữ	Lào		
15	510042	KEOMALA	KORLAKANH	30/01/1986	Nam	Lào		
16	510043	KEOMISY	CHANTHASONE	11/09/2006	Nam	Lào		
17	510044	KEOPASEUTH	SOUTHIDA	08/12/2006	Nữ	Lào		
18	510045	KEOPHOUHONG	PHATTHANA	07/04/2007	Nữ	Lào		
19	510046	KEOSAVANG	KETSANA	17/11/2006	Nữ	Lào		
20	510047	KERN	JOSEPH RYAN	05/07/1981	Nam	Hoa Kỳ		
21	510048	KHAMMANIVONG	DOZA	18/08/1997	Nữ	Lào		
22	510049	KHAMMAVONG	MOUKLATDA	05/01/1995	Nữ	Lào		
23	510050	KHAMPHOUMY	KHONESAVAN	04/02/2001	Nam	Lào		
24	510051	KHAMPASIRD	SIPHOXAY	11/11/1978	Nam	Lào		
25	510052	KHAMSUVAN	PHOUTTHASONE	18/07/2007	Nữ	Lào		
26	510053	KISHIRO	TAKESHI	19/09/1987	Nam	Nhật Bản		
27	510054	KOUMPHONPHAKDY	THIENXAY	11/09/1996	Nam	Lào		

Tổng số bài thi:.....

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 7 năm 2025

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
SƯ PHẠM
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỲ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2025 (NGÀY 07/7/2025)

Phòng thi: 03 (B3-203)

Môn thi:

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	510055	LARKHAMPANG	SEEDA	02/11/2003	Nam	Lào		
2	510056	LATSAMY	SAVANXAY	16/06/2007	Nam	Lào		
3	510057	LOUANGMIXAY	CHEM	21/12/2004	Nam	Lào		
4	510058	MALICHANSY	PALINYA	07/07/2006	Nam	Lào		
5	510059	MANIKHOT	SANTISOUK	13/06/2007	Nam	Lào		
6	510060	MAPANYA	KI	15/05/2000	Nam	Lào		
7	510061	MORGAN	SOFIIA	24/10/2002	Nữ	Nga		
8	510062	NAMMABOUALY	NOUNIT	07/09/2006	Nữ	Lào		
9	510063	NAMVONGSAK	NHOTSIVANH	20/09/2001	Nữ	Lào		
10	510064	NIEMTHISONE	KHANPHASOUK	02/09/2005	Nam	Lào		
11	510065	ORKEOTEZO	SIAOSAVAT	18/02/2004	Nam	Lào		
12	510066	PHAKONEKHAM	KHANTHONG	22/11/2006	Nữ	Lào		
13	510067	PHANCHAN	ARNAN	29/11/2006	Nam	Lào		
14	510068	PHANNGEUNMAO	SOUKSAVAT	26/10/2006	Nữ	Lào		
15	510069	PHANSANA	SOUKPHAPHONE	12/01/2007	Nữ	Lào		
16	510070	PHANTHABOULY	TAVANH	20/11/2006	Nữ	Lào		
17	510071	PHANTHAMALA	SOMSANITH	06/09/2006	Nam	Lào		
18	510072	PHANTY	SAYSANA	01/12/2006	Nam	Lào		
19	510073	PHASAVENG	INTHAVONG	24/12/2006	Nam	Lào		
20	510074	PHETDAVAN	INTHILA	11/01/2007	Nữ	Lào		
21	510075	PHETMANYVONG	MINA	08/03/2007	Nữ	Lào		
22	510076	PHETSOMPHOU	LATSAMY	08/11/2006	Nữ	Lào		
23	510077	PHIMVONGSA	LATTANAPHONE	05/05/2006	Nữ	Lào		
24	510078	PHOMMACHAK	SITHIPHONE	15/05/2006	Nam	Lào		
25	510079	PHOMMACHAN	TAENGMANY	31/08/2006	Nữ	Lào		
26	510080	PHOMMACHANH	PHIMPHAKA	04/03/2001	Nữ	Lào		
27	510081	PHOMMALA	AOT	12/12/1990	Nam	Lào		

Tổng số bài thi:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 7 năm 2025

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỶ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2025 (NGÀY 07/7/2025)

Phòng thi: 04 (B3-204)

Môn thi:

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	510082	PHOMMALAYLOUN AMMALIN	23/09/2006	Nam	Lào		
2	510083	PHOMVONGSA PHONEMANGKONE	02/01/2007	Nam	Lào		
3	510084	PHONEKEO KAISONE	28/10/2005	Nam	Lào		
4	510085	PHONEPASEUT THINNAKON	18/06/1998	Nam	Lào		
5	510086	PHOUYAVONG KAIYAPHET	09/11/2006	Nam	Lào		
6	510087	QIU HONG	24/03/1982	Nam	Trung Quốc		
7	510088	SAIYSOUVANH THIDAPHONE	23/12/2006	Nữ	Lào		
8	510089	SENBOUTTRAT BOUNTIEN	30/08/2006	Nam	Lào		
9	510090	SENG ALOUN SANTIKONE	10/03/2006	Nam	Lào		
10	510091	SENG ALOUNDETH THATSALY	21/08/1994	Nữ	Lào		
11	510092	SIACKSONE CHINNOUDA	4/04/1998	Nữ	Lào		
12	510093	SIHAVONG CHITPASONG	17/10/2006	Nam	Lào		
13	510094	SIKHOUNXAI CHANSAMAI	14/08/2006	Nữ	Lào		
14	510095	SIMMAVAD SONGMANY	02/04/1988	Nam	Lào		
15	510096	SIMMAVATH BONIK	05/02/2007	Nữ	Lào		
16	510097	SINGSAVANG THINNAKONE	15/06/2006	Nam	Lào		
17	510098	SISOUNONTH SOUKSAVANH	15/01/1980	Nam	Lào		
18	510099	PHOMMACHANH SISOUVAN	25/03/2002	Nam	Lào		
19	510100	SITHISANE PHOUTSADY	11/08/2006	Nữ	Lào		
20	510101	SITTHIHAKPANYA PANYA	08/08/1988	Nam	Lào		
21	510102	SIYAVONG KHAMHOU	04/03/2002	Nam	Lào		
22	510103	SONECHALERN TIN	08/03/2005	Nam	Lào		
23	510104	SONECHALEUN SIDAPHET	11/10/2006	Nữ	Lào		
24	510105	SONECHALEUN ANOUSONE	14/06/2006	Nam	Lào		
25	510106	SOUPHASITH VANLINTHONE	19/06/2006	Nam	Lào		
26	510107	SOUTDAVONG DAOPHASOUK	03/11/2006	Nữ	Lào		
27	510108	SYBOUNHEUANG SYVONE	22/02/1990	Nữ	Lào		

Tổng số bài thi:.....

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 7 năm 2025

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI
KỶ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, ĐỢT 1 NĂM 2025 (NGÀY 07/7/2025)

Phòng thi: 05 (B3-205)

Môn thi:

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	QUỐC TỊCH	SỐ TỜ/ MÃ ĐỀ	CHỮ KÝ THÍ SINH
1	510109	SYLAPHET	PHET OUDONE	01/08/2005	Nam	Lào		
2	510110	SYNEK	VÁCLAV	23/07/1999	Nam	Cộng Hoà Séc		
3	510111	SYSAVATXAY	PELU	31/05/2007	Nam	Lào		
4	510112	THAMMAVONG	VILIEM	21/06/2000	Nam	Lào		
5	510113	THANABOUASY	MATIMA	18/12/2006	Nữ	Lào		
6	510114	TONKEO	KORLAKAN	30/06/1990	Nam	Lào		
7	510115	TOUYASENG	KAYTHONG	17/03/2007	Nam	Lào		
8	510116	VANNABOUPHA	VILAPHAN	10/12/2006	Nam	Lào		
9	510117	VANNATI	PHOUTTHASATH	01/11/2006	Nam	Lào		
10	510118	VERNKHAM	THIENGTA VANH	09/10/1993	Nữ	Lào		
11	510119	VIDATHONG	SINXAY	15/07/2005	Nam	Lào		
12	510120	VIENGKEO	DAOPHACHAN	20/05/2006	Nam	Lào		
13	510121	VINNAVONG	PHOUTHONG	24/06/2007	Nam	Lào		
14	510122	VOLATHAMNIEM	CHINTAMONE	06/07/1993	Nữ	Lào		
15	510123	VONGNADY	THEPTHIDA	10/06/2006	Nữ	Lào		
16	510124	XAISANA	KHAMBAL	25/03/1992	Nam	Lào		
17	510125	XAIYAVONGSA	KHINGKHAM	25/12/2003	Nữ	Lào		
18	510126	XAYASONE	CHANHYDA	25/02/2002	Nữ	Lào		
19	510127	XAYAVONG	SOUKMIXAY	13/10/2006	Nam	Lào		
20	510128	XAYYAKEOPOUKHAM	BOUAXAY	05/04/1989	Nam	Lào		
21	510129	XAYYALATH	ANOUSONE	29/05/2006	Nam	Lào		
22	510130	XAYYAPHET	PANTAVAN	12/12/2006	Nữ	Lào		
23	510131	XAYYASANH	SOULIKHAN	14/04/1985	Nam	Lào		
24	510132	YONGWANG	MAININGVANG	04/03/2006	Nữ	Lào		
25	510133	YUANGYAYIA	XOLA	24/09/1994	Nam	Lào		
26	510134	ZHENG	JIA-JENG	02/09/1991	Nữ	Đài Bắc, Trung Hoa		

Tổng số bài thi:

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 7 năm 2025

Giám thị 1

Giám thị 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG